



Review Article

A Comparative Study of the Concept of the Child in the UN Convention on the Rights of the Child 1989 and Vietnamese Law

Nguyen Tien Duc*

Vietnam Academy Social Sciences, No. 1, Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

Received 19 November 2020

Revised 12 September 2021; Accepted 20 September 2020

Abstract: 30 years since the inception of the United Nations Convention on the Rights of the Child of 1989, the understanding of the international community towards the legal status of children has witnessed many profound changes. One of the Convention's great achievements is to bring about a uniform concept of the child. The article throws some light on legal aspects of this definition under the Convention. Against that backdrop, it will analyze, compare and evaluate the compatibility of Vietnam's laws relating to children's rights.

Keywords: Children; childhood; children's rights; the U.N. Convention on the Rights of the Child.

* Corresponding author.

E-mail address: ng.tien.duc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4332>

So sánh khái niệm trẻ em theo công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 và pháp luật Việt Nam

Nguyễn Tiến Đức*

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 19 tháng 11 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 9 năm 2021

Tóm tắt: 30 năm kể từ ngày Công ước Liên Hợp quốc (LHQ) về quyền trẻ em năm 1989 ra đời, có thể nhận thấy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cộng đồng quốc tế đối với địa vị pháp lý của trẻ em. Một trong những thành công của Công ước đó là đưa ra một cách hiểu thống nhất về trẻ em. Bài viết sẽ phân tích rõ hơn các khía cạnh trong khái niệm về trẻ em theo Công ước. Từ đó, bài viết sẽ phân tích và so sánh để đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam về khái niệm trẻ em.

Từ khóa: Trẻ em; tuổi thơ; quyền trẻ em; Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em.

1. Ba mươi năm Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em

Công ước LHQ về quyền trẻ em (sau đây gọi tắt là Công ước) được Đại hội đồng LHQ thông qua vào ngày 20 tháng 11 năm 1989 và phát sinh hiệu lực vào ngày 2 tháng 9 năm 1990. Tới nay, Công ước là điều ước quốc tế về quyền con người được nhiều quốc gia phê chuẩn nhất (tất cả các quốc gia thành viên LHQ, trừ Hoa Kỳ). Điều này là minh chứng cho những giá trị phổ quát được thừa nhận chung bởi cộng đồng quốc tế.

Sự ra đời của Công ước đánh dấu những “bước chuyển mình” lớn lao trong việc ghi nhận và bảo đảm quyền của trẻ em với tư cách là chủ thể quyền con người. Trước tiên, Công ước là kết quả của cả quá trình thay đổi định kiến về trẻ em, theo đó, từ một “đối tượng” được bao bọc thụ động, trẻ em đã trở thành một “chủ thể” có khả năng thụ hưởng và thực thi quyền [1]. Thông qua Công ước, các quốc gia thành viên đã bày tỏ một thái độ mới đối với trẻ em cũng như môi trường

phù hợp để trẻ “phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình” [2]. Thái độ mới thể hiện trong Công ước không còn đơn thuần xuất phát từ tình thương và lòng trắc ẩn, mà còn làm nổi bật lên cách tiếp cận dựa trên quyền đối với các vấn đề của trẻ.

Thứ hai, Công ước là kết tinh của nhiều văn kiện liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới quyền trẻ em đã được xây dựng trước đó [3]. Đây là văn kiện pháp lý đầu tiên thống nhất các quyền của trẻ em, đồng thời cũng bao quát đầy đủ các khía cạnh của quyền: từ kinh tế, xã hội, văn hóa, cho tới dân sự và chính trị. Điều này là minh chứng cho thấy rằng cả hai thể hệ quyền có thể cùng tồn tại trong một văn kiện, thay vì bị tách biệt. Nổi bật hơn, Công ước còn đi xa hơn một bước so với các văn kiện trước đó, thể hiện ở những quyền rất đặc trưng của trẻ, chẳng hạn quyền sống còn và phát triển của trẻ, nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ, quyền được lắng nghe, quyền được nhận làm con nuôi, không bị lạm dụng hay sao nhãng,...

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ng.tien.duc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4332>

Thứ ba, Công ước đã thống nhất hóa các quy định rải rác về trẻ em trước đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các nhà hoạch định chính sách, pháp luật ở mọi cấp độ. Từ đây, các quy định của Công ước đã được nội luật hóa vào hiến pháp của các quốc gia, được viện dẫn bởi cơ quan tư pháp, được vận dụng bởi các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ hoạt động vì quyền trẻ em, và được chú ý hơn trong hoạt động xây dựng và cải cách chính sách pháp luật quốc gia, cùng với đó là sự nở rộ của các nghiên cứu liên ngành và đa ngành với đối tượng trọng tâm là trẻ em [4]. Việc nội luật hóa góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể công quyền, đồng thời là cơ sở quan trọng cho các chủ thể phi nhà nước vận động, đấu tranh nhằm yêu cầu nhà nước phải thực thi những cam kết mà mình đưa ra liên quan tới trẻ em [5].

Dù thừa nhận tầm quan trọng của Công ước, chúng ta cũng không nên phóng đại tác động của Công ước đối với đời sống thực tiễn tại nhiều nơi trên thế giới mà ở đó “vẫn còn trẻ em sống trong các điều kiện đặc biệt khó khăn” [2]. Giống như các điều ước quốc tế khác về quyền con người, việc thực thi Công ước tại các quốc gia khác nhau cũng thể hiện những sắc thái khác nhau. Trong nhiều trường hợp, quốc gia thành viên Công ước vẫn làm ngơ hoặc thậm chí cố ý vi phạm quyền của trẻ em. Thực trạng này đòi hỏi các quốc gia cần tiếp tục củng cố và nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, cùng với đó là vai trò của hợp tác quốc tế, của các cơ quan, tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ trong lĩnh vực này.

Nhằm bảo đảm quyền trẻ em, một trong những bước đi đầu tiên mà bất kỳ quốc gia nào phải làm đó là xác định: Ai là trẻ em? Câu hỏi tưởng chừng đơn giản nhưng chưa chắc dễ trả lời. Bài viết sẽ làm rõ thêm những khía cạnh phức tạp của câu hỏi này dưới góc độ pháp luật quốc tế, trọng tâm là Công ước. Từ đó, bài viết sẽ rút ra một vài kết luận có giá trị định hướng cho công tác xây dựng chính sách, pháp luật liên quan tới những vấn đề của trẻ em.

2. Khái niệm trẻ em trong pháp luật quốc tế

Trước khi Công ước ra đời, khái niệm trẻ em trong pháp luật quốc tế còn tương đối mơ hồ. Có thể kể tới hai tuyên bố về quyền trẻ em năm 1924 và năm 1959 là tiền đề cho việc soạn thảo Công ước nhưng cả hai đều không đưa ra định nghĩa nào về trẻ em. Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và hai công ước về các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 cũng đã có những quy định liên quan tới quyền được bảo vệ đặc biệt của trẻ em. Đáng chú ý, một số điều ước của Tổ chức lao động quốc tế đã được soạn thảo nhằm bảo vệ trẻ em dưới 15 tuổi khỏi những công việc nặng nhọc. Cùng với đó, pháp luật nhân đạo quốc tế cũng xác định trẻ em dưới 15 tuổi là đối tượng có nguy cơ trở thành nạn nhân của xung đột vũ trang và cần được bảo vệ. Tuy nhiên, điểm hạn chế chung của những văn kiện trên đó là thiếu vắng một cách hiểu rõ ràng về câu hỏi “ai là trẻ em?”.

Cuối cùng, Công ước đã khắc phục được điểm hạn chế trên. Điều 1 Công ước quy định:

“Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”.

Khác với các điều ước quốc tế về quyền con người thông thường, quy định trên cho thấy độ tuổi là tiêu chí quyết định phạm vi áp dụng của Công ước. Nói khác đi, đây là tiêu chí để xác định chủ thể thụ hưởng những quyền được ghi nhận trong Công ước. Điểm này đặc biệt quan trọng bởi các quyền trong Công ước có tính đặc trưng và liên hệ mật thiết tới giai đoạn tuổi thơ, minh chứng rõ nét ở tính “non nớt về thể chất và trí tuệ của trẻ, cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt” [2] hơn so với người trưởng thành. Trên cơ sở đó, trẻ em có một số quyền đặc biệt mà người trưởng thành không có, và ngược lại, một số quyền của người trưởng thành thụ hưởng đầy đủ nhưng trẻ em lại chưa thể. Dù vậy, phần dưới đây của bài viết sẽ chỉ ra rằng định nghĩa trên là sản phẩm của một sự thỏa hiệp, và vì vậy vẫn tồn tại những khúc mắc nhất định cần tiếp tục nghiên cứu.

2.1. Điểm đầu của tuổi thơ

Câu chữ tại Điều 1 Công ước làm nảy sinh câu hỏi: Vậy thời điểm bắt đầu của trẻ em được tính từ khi nào? Liệu thai nhi có được coi là trẻ em không? Nói khác đi, dưới góc độ pháp lý quyền sống của một người bắt đầu khi nào? Những câu hỏi này liên quan tới tranh cãi lâu nay về quyền của thai nhi cũng như tính hợp pháp của hoạt động phá thai. Tới nay, trên thế giới vẫn tồn tại nhiều luồng quan điểm trái chiều, minh chứng ở việc có quốc gia cho phép hoạt động phá thai, trong khi đó, số khác lại ngăn ngừa, thậm chí hình sự hóa hoạt động này. Quan điểm phản đối phá thai cho rằng thai nhi được coi là trẻ em, từ đó có quyền sống và vì vậy hành vi phá thai là vô đạo đức và bất hợp pháp vì xâm hại tới quyền thiêng liêng này. Ngược lại, ý kiến khác tranh luận rằng bào thai vẫn chưa có đầy đủ phẩm chất của một con người, vì vậy người phụ nữ vẫn nắm giữ quyền tự do định đoạt thân thể.

Các điều ước nhân quyền quốc tế ra đời trước Công ước đều thể hiện một cách tiếp cận chung về vấn đề này, đó là loại trừ quyền thai nhi ra ngoài phạm vi áp dụng của những văn kiện này. Chẳng hạn như trong quá trình xây dựng Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, các nhà soạn thảo đã chủ đích bỏ quyền thai nhi ra ngoài phạm vi áp dụng của Công ước này, cụ thể là Điều 6 về quyền sống [6]. Hơn thế nữa, Điều 1 Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế tuyên bố: “Tất cả mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm giá và quyền lợi.” Như vậy có thể diễn giải “sinh ra” là mốc thời gian, là thời điểm làm phát sinh năng lực chủ thể thụ hưởng quyền của con người, cụ thể hơn là trẻ em.

Trong vụ Boso kiện Chính phủ Ý, Toà án Nhân quyền Châu Âu (TANQCA) tuyên rằng quy định cho phép phá thai theo pháp luật Italy không vi phạm quyền sống theo Điều 2 Công ước Nhân quyền Châu Âu năm 1950 (CUNQCA). Toà nhận định rằng cần thiết phải cân bằng quyền tự do thân thể của người mẹ trong mối quan hệ với thai nhi [7]. Năm 2005, trong vụ Thi Nho Vo kiện Chính phủ Pháp [8], nguyên đơn là một người phụ nữ Pháp gốc Việt buộc phải phá thai do sự nhầm lẫn của bác sĩ. Ban đầu, bị đơn bị kết tội ngộ sát, nhưng Tòa Phá

án Pháp lật ngược bản án và tuyên rằng “thai nhi không được coi là “con người” được bảo vệ theo pháp luật hình sự”. Sau đó, TANQCA khẳng định lại rằng Điều 2 CUNQCA về quyền sống không bảo vệ thai nhi và trong trường hợp quốc gia ghi nhận thai nhi có quyền sống, thì quyền này bị giới hạn bởi quyền của người mẹ mang thai [9]. Lập luận tương tự cũng được tìm thấy trong phán quyết, bình luận của các cơ quan nhân quyền quốc tế liên quan tới việc quốc gia ngăn ngừa phá thai. Theo đó, các cơ quan này khuyến nghị quốc gia nên bãi bỏ án phạt hình sự đối với phụ nữ thực hiện việc phá thai, đồng thời cần quy định cho phép hoạt động này được diễn ra trong trường hợp nhất định, ví dụ trường hợp người phụ nữ bị cưỡng hiếp, loạn luân [10].

Đáng chú ý, Điều 4 Công ước Nhân quyền Châu Mỹ năm 1969 là quy định duy nhất trong pháp luật nhân quyền quốc tế bảo vệ quyền sống “nhìn chung, tính từ thời điểm thụ thai...” Tuy nhiên, cụm từ “nhìn chung” trong quy định này được giải thích theo hướng linh hoạt, cho phép phá thai trong một số hoàn cảnh nhất định, thay vì cấm tuyệt đối. Năm 1981, Hội đồng nhân quyền liên Châu Mỹ trong vụ Bé sơ sinh (Baby boy) đã làm rõ thêm rằng những trường hợp ngoại lệ cho phép hoạt động phá thai có thể bao gồm “vì mục đích cứu sống tính mạng của người mẹ và trong trường hợp bị hiếp dâm” [11].

Về vấn đề này, một số tranh cãi đã phát sinh về quyền của thai nhi và phạm vi áp dụng của Công ước. Theo đó, đoạn thứ chín trong Lời mở đầu của Công ước nhắc nhở rằng: “... trẻ em, do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời.” Liệu sự “bảo vệ trước khi ra đời” có hàm ý thừa nhận quyền thai nhi? Đại diện của Cộng hòa Liên bang Đức tại Hội đồng nhân quyền còn đi xa hơn khi nhận định đây là một “thắng lợi lớn” bởi lần đầu tiên quyền thai nhi được ghi nhận trong một điều ước quốc tế [12].

Tuy nhiên, có sự nhầm lẫn trong nhận định trên bởi hai lý do. Đầu tiên, Lời mở đầu của Công ước không có giá trị ràng buộc pháp lý, mà chỉ nêu lên những mục tiêu và khát vọng của Công

ước [13]. Lý do thứ hai liên quan tới phương pháp giải thích điều ước quốc tế, theo đó lời mở đầu là một bộ phận cấu thành nên văn kiện và thường có tính giải thích, bổ nghĩa cho nội dung chính của văn kiện đó [14], tạo nên tính liên mạch và logic cho người đọc. Dù vậy, để khẳng định mối quan hệ giữa hai bộ phận này thì cần xem xét các biên bản thảo luận khi soạn thảo văn kiện. Theo Philip Alston, khi nghiên cứu các biên bản này có thể khẳng định không tồn tại bất kì mối liên hệ giữa Lời mở đầu và các điều khoản nội dung Công ước về vấn đề thai nhi [15]. Vào thời điểm soạn thảo, đã có đề xuất trình lên ban soạn thảo Công ước liên quan tới việc ghi nhận rõ ràng quyền thai nhi vào nội dung Công ước nhưng bị từ chối bởi bất đồng về các giá trị đạo đức, tự do [13]. Việc Công ước ghi nhận "... bảo vệ trẻ em ... trước ... khi ra đời" trong Lời mở đầu có vẻ như là một giải pháp thỏa hiệp nhằm hài hòa các quan điểm trái chiều với mục đích tạo ra khoảng không cho quốc gia tự quyết định vấn đề này, thay vì áp đặt [15]. Cũng giống như các văn kiện nhân quyền quốc tế trước đó, các nhà soạn thảo Công ước đã chọn cách tiếp cận không mở rộng phạm vi áp dụng đối với thai nhi. Dù vậy, có lẽ đề đề phòng vướng mắc có thể phát sinh sau này, một số quốc gia đã chủ động đưa ra tuyên bố bảo lưu liên quan tới Điều 1 Công ước trước khi chính thức gia nhập Công ước.

Tóm lại, pháp luật quốc tế, trong đó có Công ước, đều không có quy định cụ thể về quyền thai nhi. Vì vậy, các quốc gia có quyền tự định đoạt vấn đề này căn cứ vào những giá trị đạo đức, văn hóa, tôn giáo và điều kiện hoàn cảnh của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trường hợp quốc gia ngăn ngừa hoạt động phá thai, cần phải bảo đảm quy định pháp luật của mình không vi phạm các quyền con người liên quan khác, bao gồm quyền sống hay quyền không bị đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và mất nhân phẩm đối với người mẹ mang thai.

Dù vậy, vấn đề về thai nhi có lẽ chưa thể chấm dứt ở đây. Nếu như quyền của thai nhi là do quốc gia tự quyết định thì tại sao Ủy ban giám sát Công ước lại nhiều lần thể hiện quan điểm về thực trạng này tại một số quốc gia

thành viên? Cụ thể hơn, Ủy ban Công ước từng bày tỏ quan ngại sâu sắc về thực trạng loại bỏ thai giới tính nữ, chẳng hạn ở Trung Quốc, Ấn Độ, và coi đây là vi phạm nguyên tắc không phân biệt đối xử theo Điều 2 Công ước.

Mặc dù chúng ta phải thừa nhận có gì đó rất sai trái về mặt đạo đức liên quan tới thực trạng này, nhưng như phân tích ở trên, Công ước nói chung và nguyên tắc không phân biệt đối xử nói riêng không áp dụng với thai nhi. Vậy liệu những bình luận của Ủy ban Công ước có phải đang vượt quá thẩm quyền hay không? Hơn nữa, liệu từ đây có thể diễn giải rằng việc loại bỏ thai giới tính nam thì được chấp nhận hơn so với nữ? Xa hơn nữa, liệu việc phá thai vì lý do khuyết tật có phù hợp với nguyên tắc không phân biệt đối xử theo Công ước hay không? Rất khó để có được một câu trả lời thỏa đáng về vấn đề này [16]. Như đã từng được nhận định trong cuốn cẩm nang thực thi quyền trẻ em của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF), những câu hỏi y đức và pháp lý trên ngày càng trở nên phức tạp khi khoa học công nghệ liên tục phát triển, dẫn tới nhiều xung đột giữa quyền của trẻ và người mẹ mà có lẽ chưa thể lường hết được tại thời điểm soạn thảo Công ước [17].

2.2. Điểm cuối của tuổi thơ

Hành trình xác định điểm cuối của tuổi thơ cũng không kém phần gian nan, nguyên nhân quan trọng là bởi nhận thức khác nhau giữa các quốc gia về mức độ trưởng thành và chín chắn của trẻ em.

Quay lại định nghĩa tại Điều 1 Công ước: "... trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật (quốc gia)... quy định tuổi thành niên sớm hơn." Khó có thể phủ nhận tầm quan trọng của quy định này bởi nó đã góp phần thống nhất cách hiểu về trẻ em giữa các quốc gia. Tuy nhiên, về sau của nó cũng cho thấy bất đồng sâu sắc tại thời điểm soạn thảo Công ước, như đại diện phái đoàn của Pháp trình bày: "Tuổi mà trẻ em đạt được sự trưởng thành có sự khác biệt từ quốc gia này tới quốc gia khác" [18]. Một số phái đoàn đại diện đề xuất giới hạn độ tuổi là 15, tuy nhiên, quan điểm chung vẫn cho rằng 18 vẫn là độ tuổi phù hợp nhất. Và để lời

kéo càng nhiều quốc gia tham gia Công ước càng tốt, các nhà soạn thảo Công ước lại tiếp tục chấp nhận một sự thỏa hiệp, theo đó quốc gia thành viên có thẩm quyền cuối cùng trong việc xác định ai được coi là trẻ em theo pháp luật của mình.

Sự linh hoạt trên không có nghĩa là “thiếu lập trường” hay “ba phải”. Về bản chất, nó thể hiện sự thấu hiểu văn hóa khi các nhà soạn thảo ý thức được sự đa dạng văn hóa đem lại những nhận thức khác nhau về vai trò và năng lực của trẻ em, và nhận thức này đã thấm sâu vào từng cá thể trong cấu trúc xã hội đó [13]. Đương nhiên, luôn tồn tại những nhận thức lệch lạc ảnh hưởng tiêu cực tới trẻ em, dù vậy việc thay đổi nhận thức nên là một quá trình vận động và thuyết phục liên tục, thay vì là một thời điểm với sự áp đặt một chiều.

Từ khi thành lập tới nay, Ủy ban Công ước đã liên tục hối thúc các quốc gia thành viên coi người dưới 18 tuổi là trẻ em, và xem xét lại pháp luật của mình để bảo đảm tất cả các trẻ em chưa đủ 18 tuổi vẫn nhận được sự bảo vệ cần thiết theo quy định của Công ước. Ủy ban Công ước cũng lên án việc một số quốc gia tuy ghi nhận trẻ em là người dưới 18 tuổi trong pháp luật, nhưng lại làm ngơ trước những phong tục, tập quán địa phương có hại đối với trẻ em, ví dụ như quan niệm coi trẻ em là người trưởng thành khi đã dậy thì. Đồng thời, Ủy ban cũng yêu cầu các quốc gia thành viên cần phải đưa ra được lý do rõ ràng trong trường hợp pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn so với Công ước. Cách tiếp cận thuyết phục cũng được phản ánh trong những lần trao đổi giữa Ủy ban với quốc gia thành viên. Ví dụ đối với Nigeria, Ủy ban Công ước khuyến nghị nhà chức trách cần “tăng cường hơn nữa các cuộc đối thoại với người đứng đầu các nhóm bản địa và nhóm tôn giáo nhằm nâng cao nhận thức và tầm quan trọng trong việc coi người dưới 18 tuổi là trẻ em sở hữu những quyền năng và nhu cầu đặc trưng được bảo đảm theo Công ước” [19].

Vậy điểm cuối của tuổi thơ có phải là điểm bắt đầu cho tuổi trưởng thành? Và trẻ em bước sang giai đoạn trưởng thành sẽ thụ hưởng tất cả các quyền năng của người trưởng thành? Câu trả

lời là chưa chắc. Lấy Việt Nam làm ví dụ, pháp luật quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi, nhưng chỉ được lái xe hay có quyền bầu cử khi đủ 18 tuổi, quyền ứng cử khi đủ 21 tuổi, quyền kết hôn khi đủ 18 tuổi (nữ) và 20 tuổi (nam), giao kết hợp đồng từ đủ 15-18 tuổi, tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự từ đủ 14 tuổi. Rõ ràng Việt Nam không phải ngoại lệ khi có sự khác biệt về độ tuổi trong thụ hưởng quyền năng cũng như gánh vác trách nhiệm pháp lý với tư cách là người trưởng thành, thậm chí ở một số quốc gia, ví dụ Hoa Kỳ, chỉ được mua bán đồ uống có cồn khi đủ 21 tuổi.

Cần khẳng định rằng việc xác định khung độ tuổi như trên vẫn phù hợp với tinh thần của Công ước. Trong bản hướng dẫn soạn thảo báo cáo định kỳ, Ủy ban Công ước đã yêu cầu các quốc gia cung cấp thông tin về độ tuổi pháp lý liên quan tới các vấn đề như: tuổi đồng ý khám chữa bệnh mà không cần sự cho phép của bố mẹ, tuổi giáo dục bắt buộc, tuổi lao động, kết hôn, quan hệ tình dục tự nguyện, gia nhập quân ngũ, chịu trách nhiệm hình sự [20]. Ủy ban Công ước nhận thức rõ rằng việc đặt ra giới hạn độ tuổi đối với sự thụ hưởng quyền và gánh vác trách nhiệm là cần thiết nhằm bảo vệ trẻ em khỏi những mối nguy hại tiềm ẩn, đồng thời cân bằng với các lợi ích liên quan khác trong mối quan hệ với trẻ. Dù vậy, việc bảo vệ trẻ em cũng cần phải chú ý tới mức độ phát triển của các em, chứ không được quá mức [2]. Câu hỏi mấu chốt là làm sao để đánh giá được khung độ tuổi đó có phải là sự áp đặt tùy tiện và từ đó xâm hại tới quyền tự chủ của trẻ em hay không?

Về bản chất, xác định các khung độ tuổi chính là một hình thức giới hạn quyền con người. Liên quan tới vấn đề này, tác giả đã trình bày ở một bài viết khác, trong đó lập luận rằng quy định giới hạn quyền cần bảo đảm ba yêu cầu: i) hợp pháp; ii) chính đáng; iii) cần thiết [21 - 22]. Nói chung, giới hạn quyền con người không thể tùy tiện mà phải được quy định trong pháp luật, hướng tới mục tiêu chính đáng, đồng thời sự giới hạn này là cần thiết và đáp ứng được nguyên tắc tương xứng [23].

Ví dụ về độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự, các quốc gia có cách xác định khác

nhau, dao động “từ mức rất thấp khoảng 7 hay 8 tuổi tới mức tương đối cao là khoảng 14 hoặc 16 tuổi” [24]. Quy tắc thứ 4 trong Bộ quy tắc Bắc Kinh về tiêu chuẩn tối thiểu trong quản lý các vấn đề tội phạm vị thành niên quy định rằng độ tuổi này không nên quá thấp, và nhà chức trách cần phải cân nhắc sự non nớt về thể chất và tinh thần của trẻ em [25]. Nói khác đi, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cần tương xứng với mức độ phát triển về nhận thức và thể chất của các em. Ủy ban Công ước bổ sung và khẳng định tuổi chịu trách nhiệm hình sự dưới 12 tuổi là trái với nguyên tắc tương xứng cũng như nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, và vì vậy không thể chấp nhận được [24].

3. Trẻ em theo pháp luật Việt Nam

Năm 1990, Việt Nam trở thành quốc gia Châu Á đầu tiên và thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước. Sau 30 năm thực thi, Việt Nam đã cho thấy nhiều nỗ lực trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em. Nếu như Pháp lệnh về Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1979 vẫn nhấn mạnh vào tư duy bao bọc, coi trẻ là “đối tượng”, thì tới Luật Trẻ em năm 2016, cả bốn nguyên tắc trụ cột của Công ước đã được pháp điển hóa, bao gồm quyền sống còn và phát triển, nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được lắng nghe. Những nguyên tắc nền tảng này đã trở thành kim chỉ nam hành động quan trọng cho các cơ quan công quyền khi quyết định những vấn đề về trẻ em.

Về khái niệm trẻ em, trước khi Việt Nam gia nhập Công ước, Pháp lệnh năm 1979 quy định trẻ em là người dưới 15 tuổi. Tới Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em năm 1991 và sau đó là năm 2004, thì độ tuổi này được nâng lên 16. Cách xác định này trong pháp luật Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Công ước. Đáng chú ý, Ủy ban Công ước từng khẳng định quan niệm trẻ em là người dưới 16 tuổi là “không phù hợp với Công ước” [26]. Tuy nhiên, có lẽ khẳng định này của Ủy ban Công ước mới “không phù hợp với Công ước” bởi rõ ràng Điều

1 Công ước cho phép quốc gia tự xác định độ tuổi của trẻ em.

Dù vậy, việc mở rộng khung trần độ tuổi có thể là một điều tốt bởi càng nhiều đối tượng được bảo đảm về mặt pháp lý. Trong các phản hồi báo cáo định kỳ quốc gia, Ủy ban Công ước khuyến nghị Việt Nam sửa đổi pháp luật để tăng cường tính tương thích giữa định nghĩa về trẻ em trong pháp luật Việt Nam và Công ước [27]. Vào thời điểm sửa Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em năm 2004, một số cơ quan, tổ chức quốc tế như UNICEF Việt Nam đã cố gắng vận động để nâng khung tuổi trẻ em lên 18, nhưng cuối cùng không thành công [28] và Luật Trẻ em năm 2016 cũng vẫn giữ nguyên cách định nghĩa: Trẻ em là người dưới 16 tuổi. Từ đủ 16 tuổi tới 30 tuổi thì chủ thể này được gọi là thanh niên theo Điều 1 Luật Thanh niên, nhưng chưa thể thụ hưởng quyền năng đầy đủ như người trưởng thành. Hai tác giả Phạm Thị Thanh Nga và Nguyễn Xuân Tĩnh cho rằng đây là điểm hạn chế của pháp luật bởi địa vị pháp lý không rõ ràng của những người đủ từ 16 đến dưới 18 tuổi, “họ không phải là trẻ em nhưng cũng không phải là người thành niên” [29].

Về quyền của thai nhi, khoản 1, Điều 44, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân 1989 (còn hiệu lực) quy định phụ nữ có quyền nạo thai, phá thai theo nguyện vọng. Quan điểm trên cũng được tái khẳng định tại Điều 36 Dự thảo Luật Dân số gần đây nhất. Đây chính là cơ sở khẳng định quan điểm trong pháp luật Việt Nam đó là thai nhi chưa đáp ứng đầy đủ phẩm chất của con người và người phụ nữ có quyền định đoạt đối với thân thể của mình trong mối quan hệ với thai nhi. Dù vậy, quyền tự do thân thể này không phải là vô hạn. Khoản 2, Điều 7, Pháp lệnh dân số năm 2003 được hướng dẫn bởi khoản 3, Điều 10, Nghị định 104/2003/NĐ-CP nghiêm cấm hành vi loại bỏ thai nhi vì lý do lựa chọn giới tính. Đồng thời, hoạt động nạo, phá thai cũng bị cấm đối với thai nhi trên 22 tuần tuổi. Trường hợp vi phạm thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 84 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP với các khung xử phạt hành chính khác nhau căn cứ vào tính chất của hành vi. Lưu ý rằng, một số trường hợp cấm phá thai như trên không có nghĩa là pháp luật

thừa nhận quyền sống của thai nhi. Những quy định này mang tính chất bảo vệ sức khỏe của người phụ nữ mang thai, đồng thời cân bằng với các mục tiêu công cộng khác mà Nhà nước hướng tới. Nhìn chung, các quy định trên đã tương đối phù hợp với chuẩn mực quốc tế và bảo đảm cân bằng quyền sống và lợi ích của bà mẹ mang thai với thai nhi.

Bên cạnh thuật ngữ “trẻ em”, pháp luật Việt Nam cũng sử dụng các thuật ngữ khác với hàm ý liên quan. “Người chưa thành niên” trong pháp luật dân sự được định nghĩa là người chưa đủ 18 tuổi. Có thể hiểu người chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam cũng chính là trẻ em theo định nghĩa của Công ước.

Theo khảo sát sơ bộ các văn bản pháp luật của hai tác giả Phạm Thị Thanh Nga và Nguyễn Xuân Tĩnh trên trang cơ sở dữ liệu Luatvietnam về việc sử dụng các thuật ngữ này, “trẻ em” được sử dụng trong 3.034 văn bản, trong đó có 82 luật; “Người chưa thành niên” được dùng trong 771 văn bản, trong đó có 53 luật [29]. Tuy nhiên, việc sử dụng hai thuật ngữ này trong văn bản pháp luật Việt Nam lại có sự khác biệt. Cụ thể, “trẻ em” thường được sử dụng để nhấn mạnh tính dễ tổn thương và quyền của đối tượng này; Trong khi đó, “người chưa thành niên” thì không chỉ ám chỉ quyền mà còn cả nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng này đối với người khác. Đặc biệt trong lĩnh vực hình sự, Chương X Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 ghi nhận thuật ngữ “người chưa thành niên phạm tội”, trong khi đó Chương XII BLHS năm 2015 đã sửa thành “người dưới 18 tuổi phạm tội”. Việc thay thế này tuy không làm sai lệch nội dung chi tiết của mỗi quy định, nhưng lại làm cho văn bản thiếu tính hệ thống và kế thừa, thiếu mối liên hệ với pháp luật dân sự và Luật Trẻ em, không làm nổi bật được ý nghĩa của chính sách pháp luật hình sự của nhà nước Việt Nam ưu tiên áp dụng để bảo vệ trẻ em [29].

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 đưa ra những nguyên tắc chung khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Nhìn chung, việc xử lý này phải căn cứ vào độ tuổi, sự chín chắn và hiểu biết cũng như mức độ nghiêm trọng hành vi phạm tội của họ. Đặc biệt, lần đầu tiên pháp luật hình sự ghi nhận nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18

tuổi” với tính chất là nguyên tắc nền tảng, bao trùm trong hoạt động xử lý tội phạm chưa thành niên. Điều này cho thấy những nỗ lực của nhà làm luật trong việc đảm bảo tính tương thích giữa pháp luật Việt Nam và quy định quốc tế.

Tuy nhiên, ở một góc độ khác, quy định này có phần khó hiểu bởi trong Công ước chỉ tồn tại duy nhất nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em [2]. Vậy nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi” có nghĩa là gì? Trong một bài viết khác, tác giả đã lập luận rằng nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi là nguyên tắc do nhà làm luật Việt Nam sáng tạo ra [30]. Sở dĩ có nguyên tắc này là do những người phạm tội này (từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi) vẫn được coi là đối tượng yếu thế, non nớt về thể chất và tinh thần, do đó cần sự bảo vệ, quan tâm đặc biệt từ những người xung quanh, trong đó có cơ quan công quyền. Nhà làm luật Việt Nam có vẻ như đang ám chỉ nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em trong Công ước nhưng có sự sửa đổi kỹ thuật do Việt Nam vẫn chưa muốn thay đổi định nghĩa “trẻ em” trong luật của mình. Dù vậy, thực tiễn áp dụng nguyên tắc này sẽ đặt câu hỏi ngược lại với định nghĩa trẻ em của Việt Nam. Có lẽ Việt Nam nên sửa lại định nghĩa “trẻ em” để tăng cường tính tương thích giữa pháp luật trong nước và quốc tế. Dù vậy, nhìn chung việc bổ sung nguyên tắc này vào trong cả hai bộ luật quan trọng trên có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng khi xử lý các vấn đề liên quan tới người chưa thành niên phạm tội.

4. Kết luận

Sự ra đời của Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 đã đánh dấu những chuyển biến đáng kể về địa vị pháp lý của trẻ em trong pháp luật của các quốc gia. Một trong những thành công quan trọng của Công ước đó là góp phần thúc đẩy một cách hiệu quả hơn về trẻ em, từ đó mở rộng hơn phạm vi bảo đảm pháp lý đối với nhóm chủ thể này. Bài viết phân tích thêm những chiều cạnh trong khái niệm về trẻ em theo Điều 1 Công ước, và khẳng định đây là một nỗ lực hài hòa các quan điểm trái

chiều về trẻ em. Quá trình thay đổi nhận thức về trẻ em vẫn đang tiếp diễn với áp lực từ nhiều phía, và từ đây đòi hỏi các chủ thể liên quan có một cái nhìn nghiêm túc hơn về trẻ em.

Sau 30 năm thực thi Công ước, Việt Nam đã cho thấy nhiều nỗ lực trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em. Dù còn một vài vướng mắc trong pháp luật Việt Nam liên quan tới khái niệm trẻ em và các thuật ngữ liên quan, nhưng nhìn chung pháp luật Việt Nam đã tiếp thu tốt tiêu chuẩn quốc tế trong vấn đề này. Theo đó, pháp luật thừa nhận tính non nớt, dễ bị tổn thương của những đối tượng này, từ đó đòi hỏi các cơ quan công quyền phải cẩn thận khi thực hiện hoạt động liên quan tới lợi ích của trẻ. Điều này tiếp tục thể hiện truyền thống tốt đẹp yêu thương trẻ em của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là quyết tâm và nỗ lực của Nhà nước Việt Nam nhằm bảo đảm pháp luật của mình phù hợp với những tiêu chuẩn chung có giá trị phổ quát toàn nhân loại.

Tài liệu tham khảo

- [1] M. Cowden, *Children's Rights From Philosophy to Public Policy*, Palgrave Macmillan, New York, 2016.
- [2] The UN Convention on the Rights of the Child, 1989.
- [3] C. F. H. Rights, *The Rights of the Child* (Fact Sheet No. 10), United Nations, 1990.
- [4] M. Ruck, M. Peterson-Badali, M. Freeman, *Handbook of Children's Rights: Global and Multidisciplinary Perspectives*, Routledge, New York, 2017.
- [5] G. Mower, *The Convention on the Rights of the Child: International Law Support for Children*, Praeger Publishers, California, 1997.
- [6] N. T. Đức, *Quyền sống trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 1, 2017.
- [7] Boso kiện Chính phủ Ý, ECHR Application No. 50490/99, 2002.
- [8] Thi Nho Vo kiện Chính phủ Pháp, 40 EHRR 12, 2004.
- [9] A. Plomer, *A Foetal Right to Life? The Case of Vo v. France*, *Human Rights Law Review*, Vol. 5, No. 2, 2005.
- [10] https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Women/WRGS/SexualHealth/INFO_Abortion_WEB.pdf. (Accessed 21 9 2020).
- [11] Case 2141 (United States), OAS Doc. OAS/SER.L/V/II. 54 doc. 9, rev. 1, 1981.
- [12] UN, U.N. Doc. E/CN.4/1989/SR.54, 1989.
- [13] D. Archard, J. Tobin, *The Definition of a Child*, in: John Tobin (ed), *The UN Convention on the Rights of the Child: A Commentary*, Oxford University Press, New York, 2019.
- [14] *The Vienna Convention on the Law of Treaties*, 1969.
- [15] P. Alston, *The Unborn Child and Abortion Under the Draft Convention on the Rights of the Child*, *Human Rights Quarterly*, vol. 12, No. 1, 1990.
- [16] Ủy ban Công ước, *General Discussion on the Rights of Children with Disabilities*, UN Doc. Công ước /C/66, Phụ lục V.
- [17] P. N. Rachel Hodgkin, *Implementation Handbook for the Convention on the Rights of the Child*, UNICEF, 2007.
- [18] OHCHR, *Legislative History of the Convention on the Rights of the Child*, United Nations, 2017.
- [19] Ủy ban Công ước, *Quan sát kết luận về Nigeria*, Công ước /CNGA/CO3-4.
- [20] Ủy ban Công ước, 48) *General Guidelines regarding the Form and Content of Initial Reports to be Submitted by States Parties under Article 44, paragraph 1 (a), of the Convention on the Rights of the Child*, 1991.
- [21] B. T. Đạt, *Hiến pháp hoá nguyên tắc giới hạn quyền con người: Cần nhưng chưa đủ*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 6, 2015.
- [22] N. T. Đức, *Giới hạn quyền con người theo Công ước Nhân quyền Châu Âu và gọi mở cho Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4, 2018.
- [23] M. Tushnet, V. Jackson, *Proportionality - New Frontiers, New Challenges*, Cambridge University Press, New York, 2018.
- [24] Ủy ban Công ước, *General Comment no. 10*, 2007.
- [25] UN, *Bộ quy tắc Bắc Kinh về tiêu chuẩn tối thiểu trong quản lý các vấn đề tội phạm vị thành niên năm 1985*.
- [26] Ủy ban Công ước, *Quan sát kết luận về Namibia*, Công ước /C/NAM/CO/2-3.
- [27] Ủy ban Công ước, *Quan sát kết luận về Viet Nam*, Công ước /VNM/CO/3-4, 2012.
- [28] N. T. Đức, *Nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 15, 2017.
- [29] P. T. T. Nga, N. X. Tĩnh, *"Trẻ em" và "người chưa thành niên" trong pháp luật Việt Nam: nhìn từ nghĩa vụ thực hiện Công ước của LHQ về quyền trẻ em và tính thống nhất của hệ thống pháp luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 15, 2017.
- [30] D. Nguyen, *The Development of Four Leading Principles of the Convention on the Rights of the Child in Vietnam's Juvenile Justice*, *Bergen Journal of Criminal Law & Criminal Justice*, Vol. 4, No. 2, 2016, pp. 267-285.